

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DỰA TRÊN TRI THỨC

TS. NGUYỄN ĐÌNH HUẤN

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Danh từ phát triển(Development) là nói về việc nâng cao hạnh phúc của nhân dân về các tiêu chuẩn sống, cải thiện giáo dục, sức khỏe và bình đẳng về cơ hội làm việc và sinh hoạt của người dân.

Tăng trưởng kinh tế là một phương tiện cơ bản để có được sự phát triển. Tuy nhiên bản thân tăng trưởng kinh tế chỉ là một chỉ tiêu rất không hoàn hảo của phát triển. Bởi vì tăng trưởng kinh tế là nói về sự tăng trưởng *thuần túy về kinh tế* mà chưa tính đến yếu tố suy thoái môi trường do tăng trưởng gây nên. Tăng trưởng là sự tiến bộ cục bộ về kinh tế. Phát triển là sự tiến bộ toàn bộ về các mặt kinh tế xã hội, văn hóa, môi sinh. Chỉ tiêu phản ánh tập trung nhất về tăng trưởng kinh tế là tốc độ tăng GDP/năm và số lượng GDP/đầu người. Tuy nhiên, các chỉ tiêu nói trên mới phản ánh sự tăng trưởng kinh tế thuần túy mà chưa tính đến việc thực hiện các mục tiêu xã hội.

Việc chú trọng các mục tiêu xã hội và môi trường trong tăng trưởng kinh tế là thước đo lường sự phát triển một cách đúng đắn. Từ lâu người ta đã thừa nhận rằng các chỉ tiêu đo lường về môi sinh, cơ hội giáo dục, tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh, tình trạng dinh dưỡng và tỷ lệ phần trăm nghèo đói là những chỉ tiêu bổ sung cơ bản cho chỉ tiêu số lượng GDP/đầu người hoặc tốc độ tăng trưởng GDP/năm. Chỉ số phát triển con người (HDI) do chương trình phát triển của Liên Hiệp quốc đưa ra là

một cố gắng để bổ sung cho các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế.

Nhằm bổ sung các nhược điểm của sự tăng trưởng kinh tế thuần túy, năm 1980 trong hội nghị của Liên Hiệp quốc về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, lần đầu tiên đã sử dụng cụm từ *phát triển bền vững* (Sustainable). Nguyên tắc tổng quát của phát triển bền vững đã được Ủy ban Môi trường và Phát triển bền vững thế giới (Our common Future = tương lai chung của chúng ta), thông qua năm 1987: phát triển bền vững là phát triển đáp ứng các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng của các thế hệ tương lai, đáp ứng các nhu cầu bản thân họ. Khái niệm này đã được toàn thế giới chấp nhận một cách rộng rãi và ở Việt Nam cũng được ủng hộ và ghi nhận trong nhiều văn kiện chính thức của Đảng và Nhà nước.

MỘT SỐ THÁCH THỨC CỦA VIỆT NAM VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nước ta từ nền kinh tế bao cấp chuyển sang nền kinh tế thị trường, hội nhập với nền kinh tế thế giới đã và đang đạt được nhiều tiến bộ rõ rệt: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 7-8% năm, từ nước thiếu lương thực trở thành nước xuất khẩu lương thực, tốc độ giảm nghèo nhanh, đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ.

Tuy vậy, mô hình phát triển của Việt Nam đã và đang gặp phải nhiều thách thức không chỉ về phát triển kinh tế mà còn cả về thực hiện các mục tiêu xã hội và bảo vệ môi trường.

Về kinh tế: Theo đánh giá của Giáo sư Đặng Hữu, nguyên Bộ trưởng Bộ Khoa học - Công nghệ và môi trường

tại hội thảo: " Phát triển bền vững dựa trên tri thức" ngày 24/9/2004 thì nền kinh tế nước ta hiện nay *dựa chủ yếu vào tài nguyên và lao động*, giá trị do tri thức tạo ra không đáng kể. Đồng góp vào tăng trưởng kinh tế chủ yếu là do vốn với tỷ lệ là 64%, nhân tố năng suất tổng hợp (TFP) chỉ đóng góp 19% (cao hơn 55%GDP) nhưng chủ yếu là nguyên liệu thô như: gạo, hải sản, dầu. Tỷ lệ sản phẩm chế biến chỉ chiếm 24%, sản phẩm công nghệ cao không đáng kể. Về thực chất đó là việc xuất khẩu sức lao động và tài nguyên. Đầu tư còn rất kém hiệu quả, hệ số ICOR trong những năm gần đây đã tăng lên đến 5(ở các nước phát triển nhanh thường là 2,5-3).

Trình độ tri thức của nền kinh tế Việt Nam rất thấp, mặc dù tiềm năng trí tuệ dân tộc không thua kém các nước. Chỉ số phát triển kinh tế tri thức (theo phương pháp của W.B) của Việt Nam là 1,9, trong khi đó của Ấn Độ: 2,2; Indônêxia: 2,9; Trung Quốc: 3,2; Philippin: 4,0; Thái Lan: 4,8; Malaisia: 4,9; Hàn Quốc: 6,5.

Về xã hội: Tỉ lệ hộ nghèo bình quân toàn quốc còn ở hai số, khoảng cách giữa người giàu và người nghèo, giữa thành thị và nông thôn vẫn cách ngày một rộng hơn, tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng.

Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa nhanh làm cho cơ cấu xã hội ở các vùng nông thôn, đất đai màu mỡ ven đô bị biến dạng. Việc thu hồi đất canh tác chuyển thành đất xây dựng cơ bản làm cho hàng triệu người dân mất đất, thất nghiệp, gây ra nhiều tranh chấp và khiếu kiện kéo

dài giữa nông dân mất đất với các doanh nghiệp. Đó là sự tranh chấp mất đoàn kết trong cộng đồng dân cư và sự chi tiêu thiếu kế hoạch của người nông dân vốn rất nghèo được nhận tiền đến bù hoặc tiền thuê đất tạo ra sự giàu có giả tạo.

Về môi trường ở các khu dân cư, nhất là ở các đô thị lớn và khu công nghiệp ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước khá nặng. Tài nguyên không được quản lý tốt nên có nguy cơ ô nhiễm nước mặn và cạn kiệt nước ngầm. Bên cạnh việc đất đai canh tác màu mỡ bị thu hẹp với tốc độ nhanh thì ao hồ bị cạn kiệt, sinh vật ở môi trường nước bị chết, nguồn nước ngầm lụt sâu hơn từ 5-15m, hầu hết các giếng đào (giếng khơi) hết nước hoặc do bụi bẩn nên nước không sử dụng được. Công nghiệp hóa và đô thị hóa gây nên bụi bẩn và tiếng ồn ghê gớm. Không chỉ dân cư sống ở ven quốc lộ và đô thị mà cả dân cư sống ở các xóm làng phải chịu bụi đất và tiếng ồn. Kết quả khảo sát các hộ dân sống ở các vùng công nghiệp hóa và đô thị hóa cho thấy tỷ lệ bệnh nhân bị viêm đường hô hấp tăng gấp 2 lần so với trước năm 2000.

Điều đặc biệt cần quan tâm hơn là việc thực thi pháp luật về môi trường chưa nghiêm. Phần lớn các cơ sở sản xuất kinh doanh vì lợi ích kinh tế cục bộ và trước mắt không tôn trọng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Có đến hàng chục ngàn cơ sở sản xuất qua kiểm tra được liệt vào "danh sách đen" buộc phải ngừng hoạt động nhưng vẫn cứ tồn tại.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRÊN CƠ SỞ TRI THỨC

Phát triển với tốc độ nhanh là nhu cầu tất yếu của một nước kém phát triển như nước ta, tuy nhiên không thể phát triển với bất cứ giá nào. Hạn chế nổi bật rất cần lưu ý đã và đang tồn tại hiện nay ở một số địa phương là lạm dụng cụm từ "khai thác tiềm năng" để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và thu

hút đầu tư nước ngoài bằng mọi giá. Không thể xoa dịu tình trạng phát triển thiếu bền vững bằng sự tự hào về "tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới". Không thể vì sức ép phải đuổi kịp tốc độ phát triển kinh tế của các nước khác trong khu vực mà làm cạn kiệt nguồn tài nguyên và để lại gánh nặng nợ nần quá mức cho thế hệ tương lai. Với bộ phận lớn dân số sống dựa vào việc khai thác tài nguyên, Việt Nam cần xem xét một cách đầy đủ ảnh hưởng của sự biến đổi môi trường, kinh tế và xã hội tới cuộc sống của người dân và sự phát triển lâu dài, bền vững của quốc gia.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng thông tin, để tiến hành tốt sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa chỉ có thể thực hiện mô hình phát triển bền vững dựa vào tri thức. Hiện nay hầu hết các nhà khoa học đều đã thống nhất về đặc điểm nổi bật nhất, có thể nói là cơ bản của nền kinh tế tri thức là vai trò quan trọng ngày càng tăng của sản xuất, phân phối và sử dụng kiến thức trong phát triển kinh tế, đặc biệt kiến thức đã trở thành *nhân tố hàng đầu* của sản xuất, vượt lên trên các nhân tố cổ truyền là vốn và lao động.

Như vậy, có thể thấy trong nền kinh tế tri thức thì tri thức là yếu tố quyết định đối với việc tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống. Tri thức của con người là vô hạn, còn tài nguyên là hữu hạn, do đó nếu phát triển dựa vào khai thác và xuất khẩu tài nguyên thô sẽ chỉ có tốc độ tăng trưởng cao trong giai đoạn đầu. Khi tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt thì nền kinh tế sẽ bị chững lại, thậm chí xuống dốc nhanh. Phát triển dựa vào tri thức là phát triển bền vững, đáp ứng không chỉ cho nhu cầu hiện tại mà còn mở ra triển vọng rất to lớn cho cả thế hệ tương lai.

Nhằm mục đích đó, Việt Nam cần thực hiện cho được những sự chuyển hướng cơ bản sau đây:

Một là, nhất thiết phải có sự chuyển hướng mạnh mẽ từ chỗ phát triển chủ yếu dựa vào khai thác và xuất khẩu tài nguyên thô, chuyển sang dựa nhiều hơn vào sức mạnh trí tuệ của con người, vào tri thức. Biện pháp cấp bách trước mắt là phải phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài trên cơ sở thực hiện tốt việc cải cách giáo dục.

Hai là, chuyển hướng mạnh mẽ từ việc coi trọng chỉ tiêu về số lượng (như GDP/dầu người, tỷ lệ tăng trưởng) sang việc coi trọng hơn chỉ tiêu về hiệu quả và chất lượng của sự phát triển. Kiên quyết thực hiện phương châm: đầu tư, sản xuất cái gì có hiệu quả cao nhất chứ không phải đầu tư và sản xuất cái gì ta có sẵn để tăng nhanh GDP/dầu người.

Ba là, chuyển dần trọng tâm từ đầu tư vào các ngành sản xuất, xuất khẩu nguyên liệu thô sang phát triển các ngành chế biến, dịch vụ, du lịch, nhất là các ngành dựa vào công nghệ mới có giá trị cao. Một chiến lược hòa nhập về kinh tế và văn hóa với các nước phát triển và khu vực trên cơ sở đẩy mạnh các ngành chế biến, dịch vụ và du lịch phải được coi là nhiệm vụ trọng tâm của chiến lược công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Bốn là, chuyển dần trọng tâm từ việc coi tốc độ tăng trưởng kinh tế là niềm tự hào sang việc kết hợp chặt chẽ với thực hiện tốt các mục tiêu xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, nhân văn. Nếu con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển thì không thể hy sinh con người cho sự phát triển. Sự hy sinh ngày hôm nay về ô nhiễm môi trường, về tệ nạn xã hội, về các khoản nợ khổng lồ sẽ trở thành gánh nặng cho thế hệ tương lai. Sự phát triển bằng bất cứ giá nào sẽ không thể đem lại sự phát triển bền vững, cuối cùng sẽ dẫn tới mất ổn định, khủng hoảng và suy thoái.

N.D.H